



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Bến xe Miền Tây

Ngày 31/12/2024	270,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.8%	1.9%	25.6%

DT thuần Q4/24
39.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.80 -4.5%
YoY: ▲ 4.10 11.6%

LN thuần Q4/24
18.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.40 -22.4%
YoY: ▲ 0.60 3.6%

LN sau thuế Q4/24
15.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.40 -21.6%
YoY: ▲ 0.50 3.5%

Tỷ suất lãi EBIT 2024
59.8%
YoY: +/-▲ 0.3%

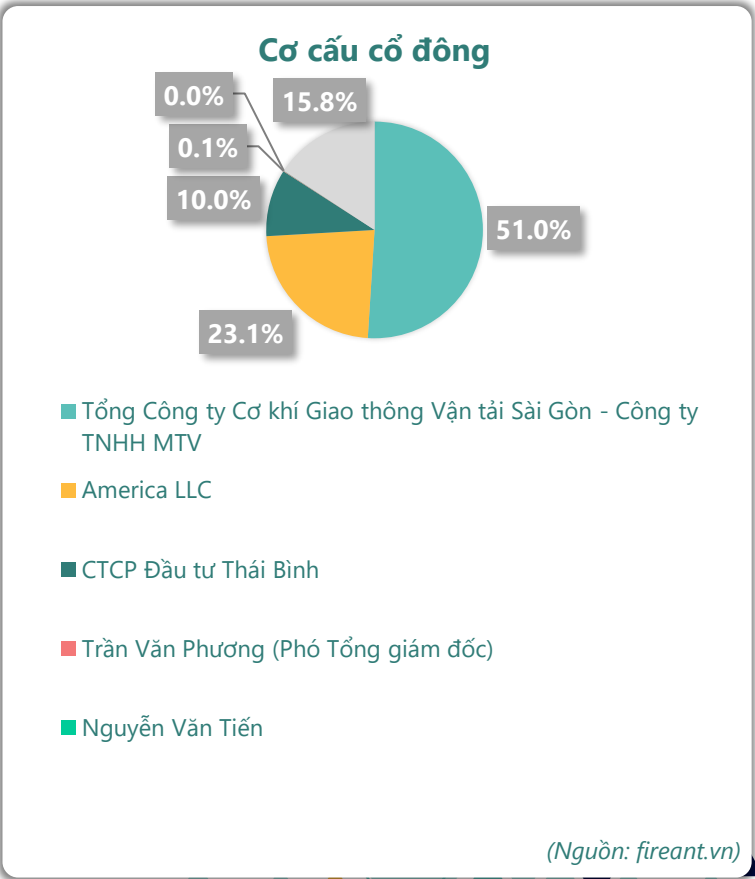
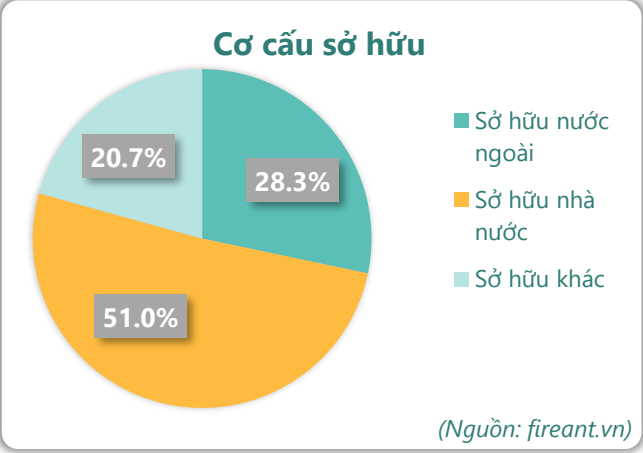
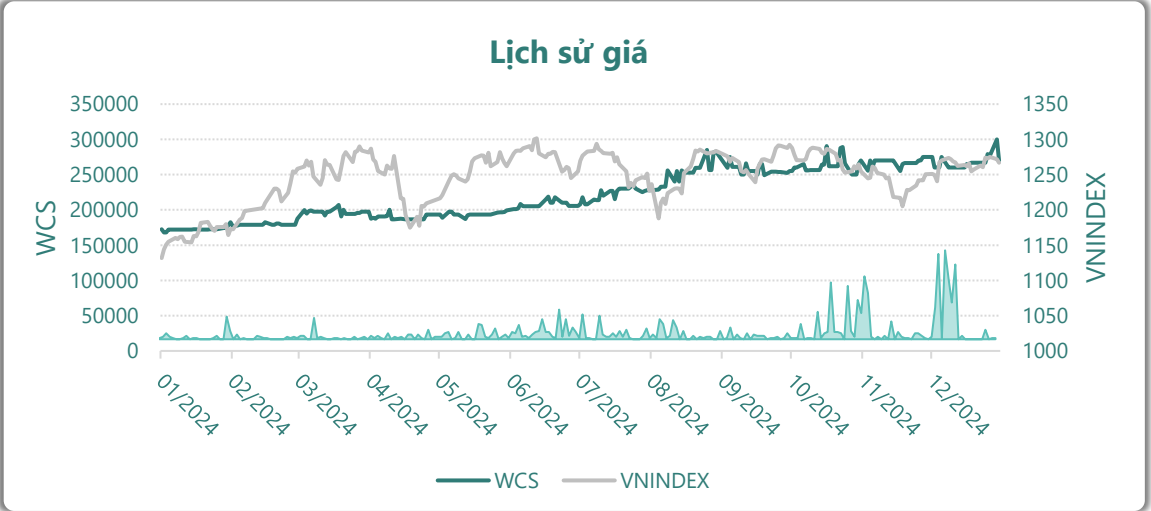
ROE 2024
32.2%
YoY: +/-▼ 1.5%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	168,049 - 300,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	675
Số lượng CPLH (CP)	2,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	105
Sở hữu nước ngoài	28.3%
Beta	0.34
EPS	30,188
P/E	8.9

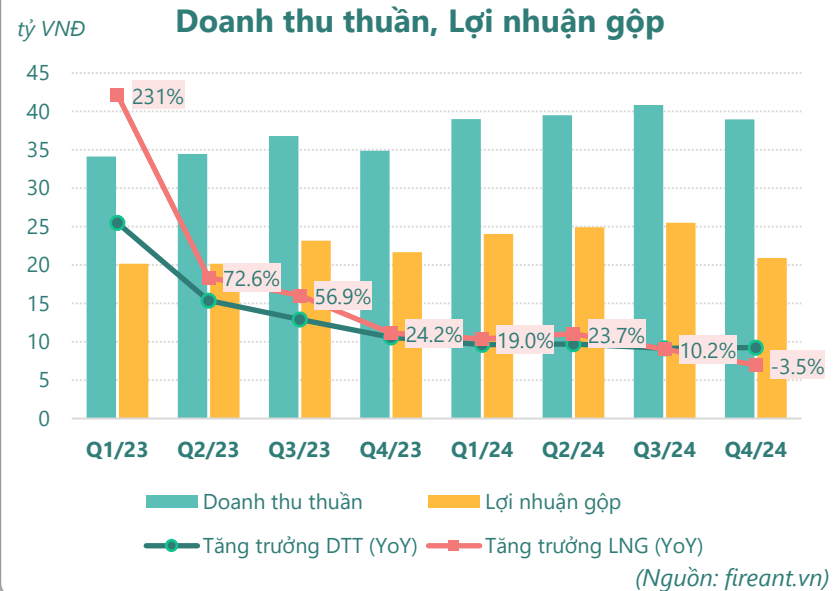
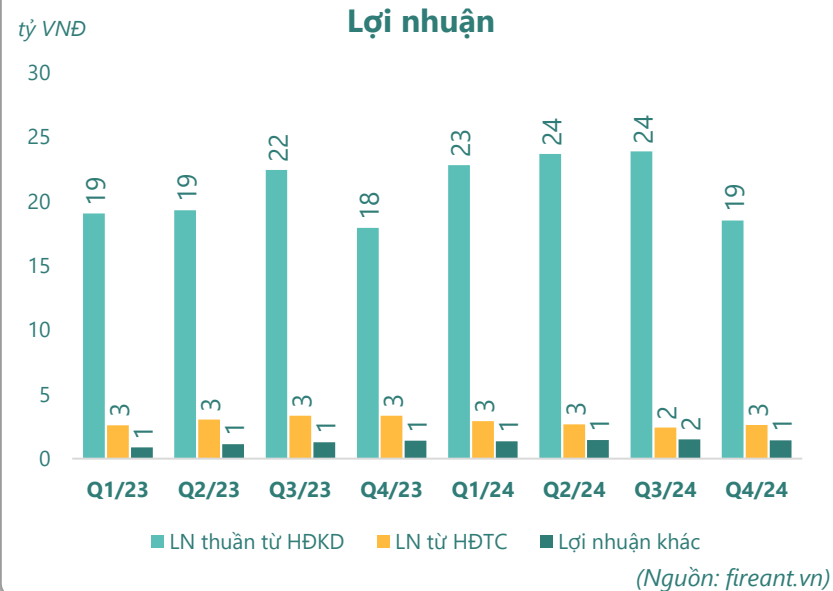
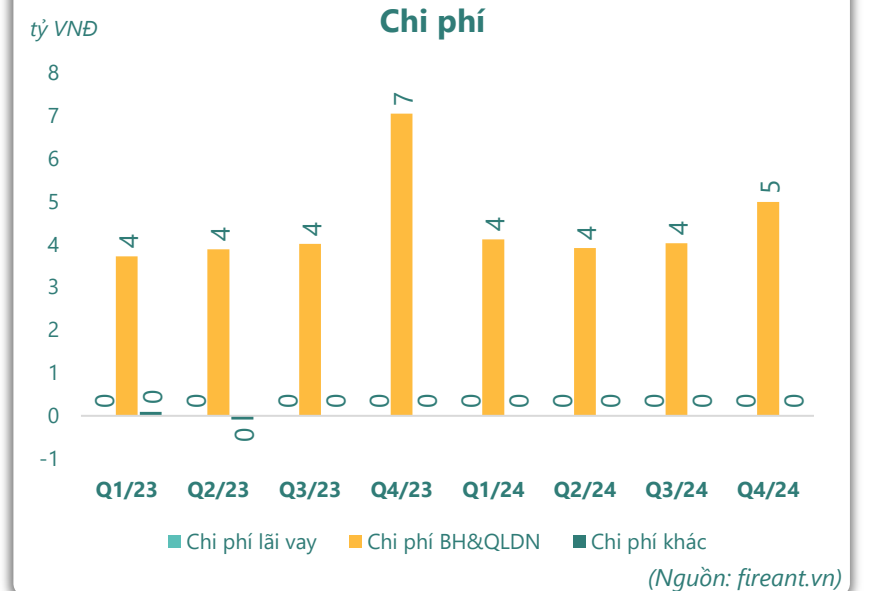
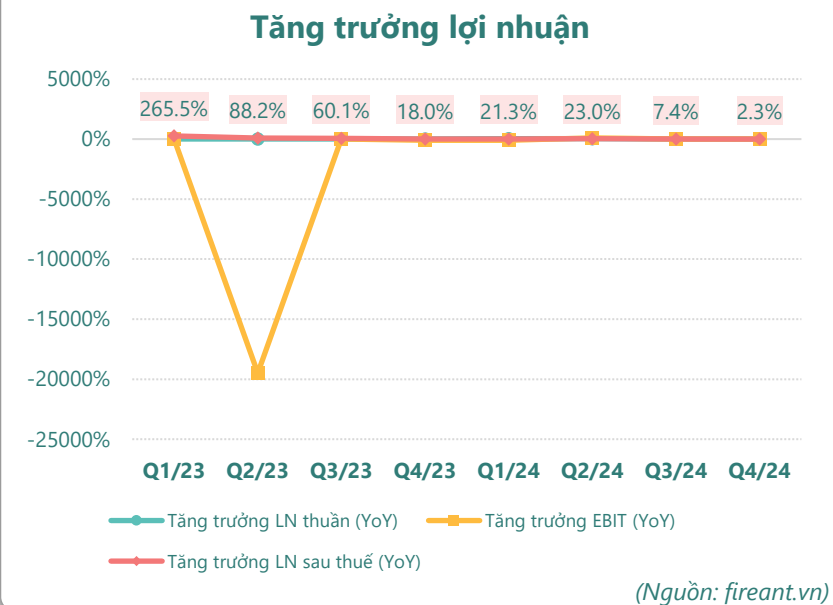
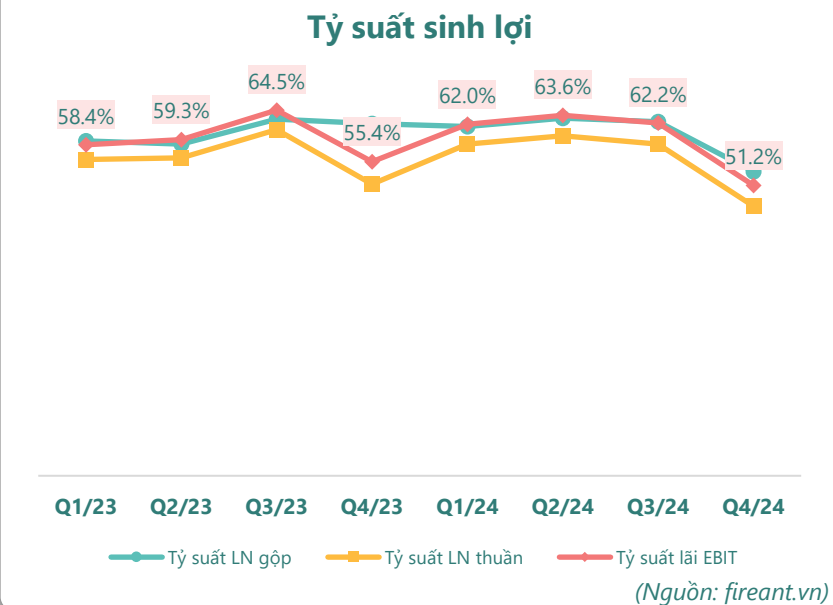
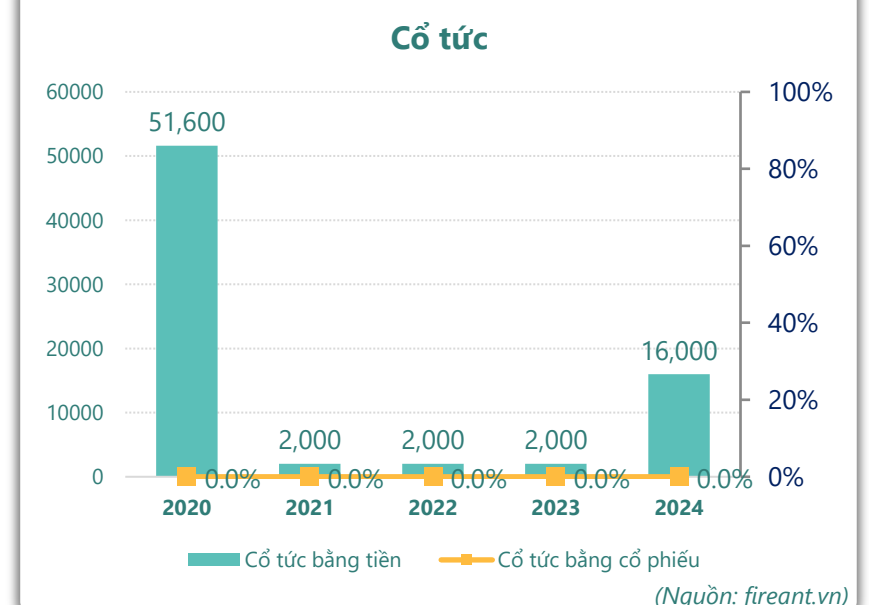
DT thuần 2024
158
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18.0 12.9%

LN thuần 2024
89.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.2 12.9%

LN sau thuế 2024
75.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.00 13.5%



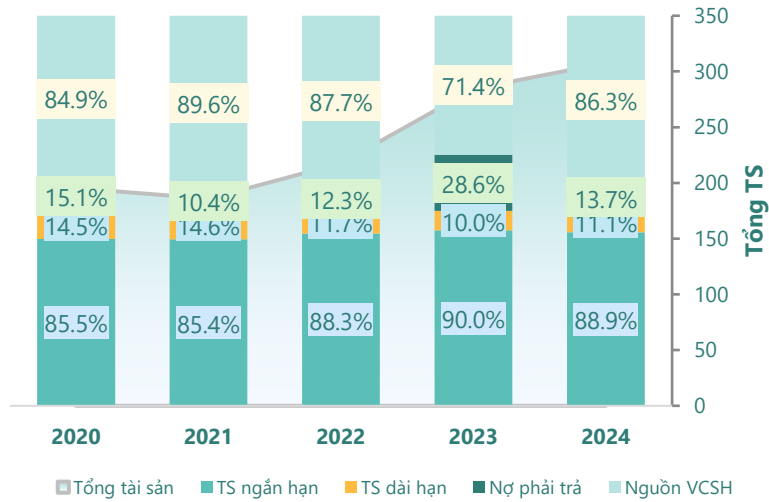
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

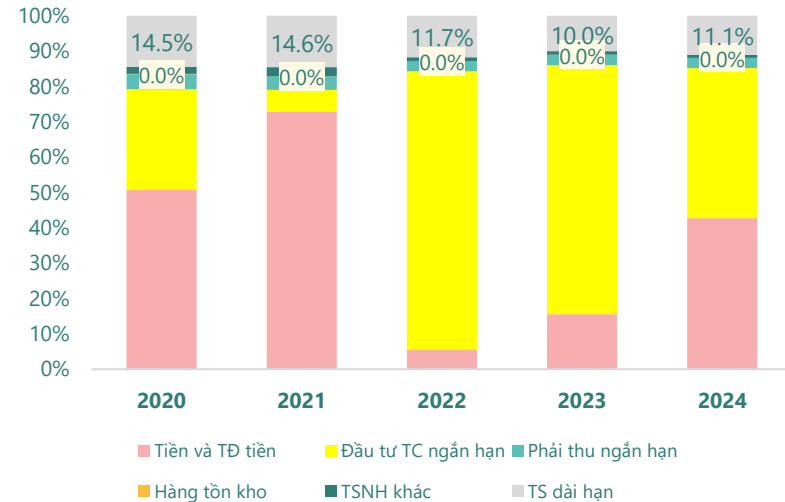
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

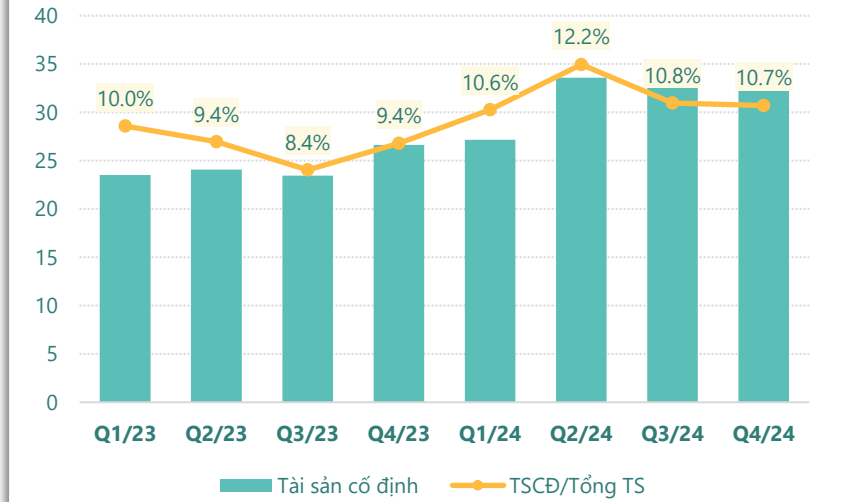
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

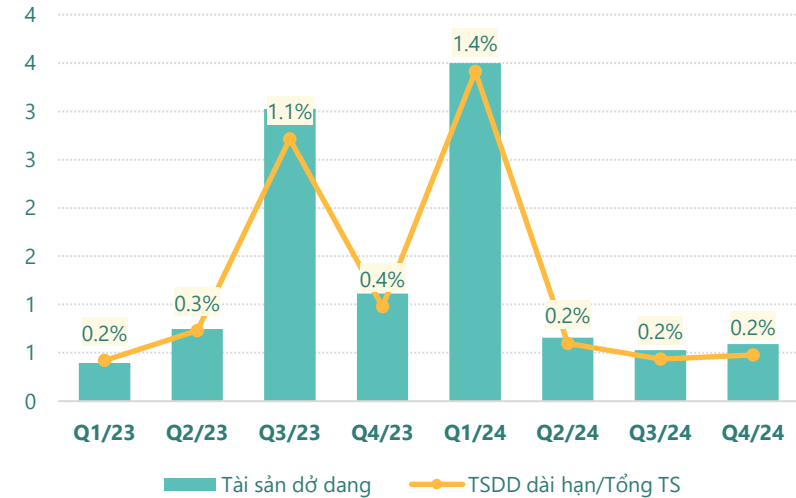
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

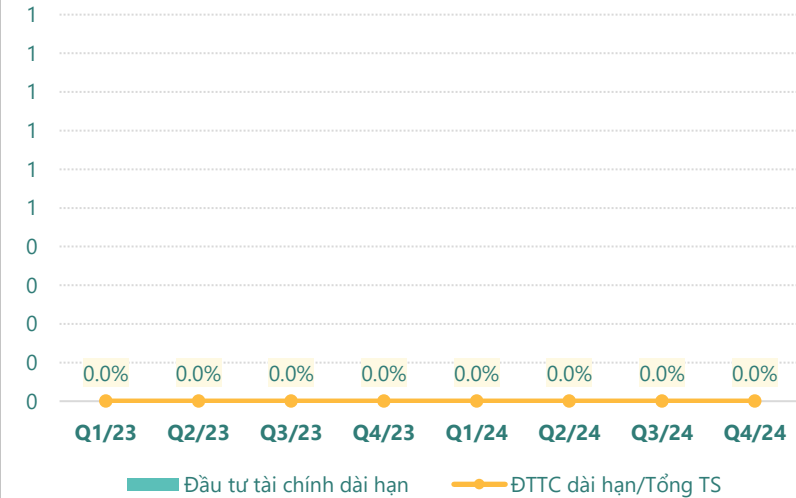
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

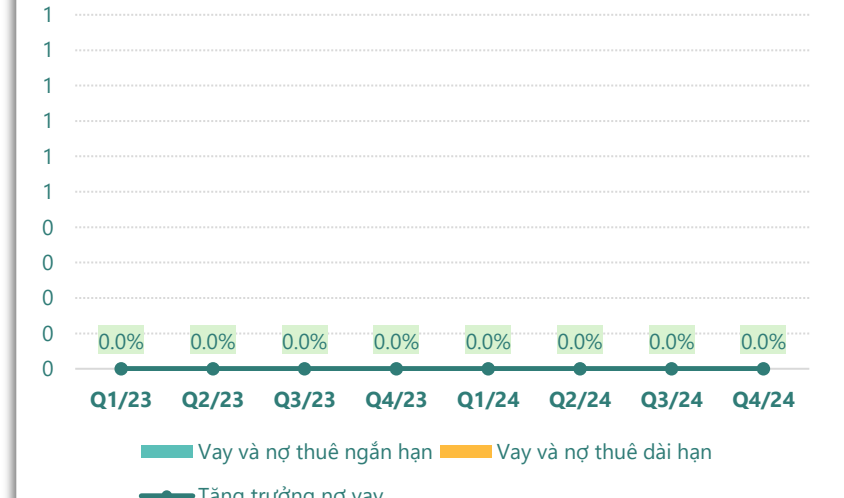
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

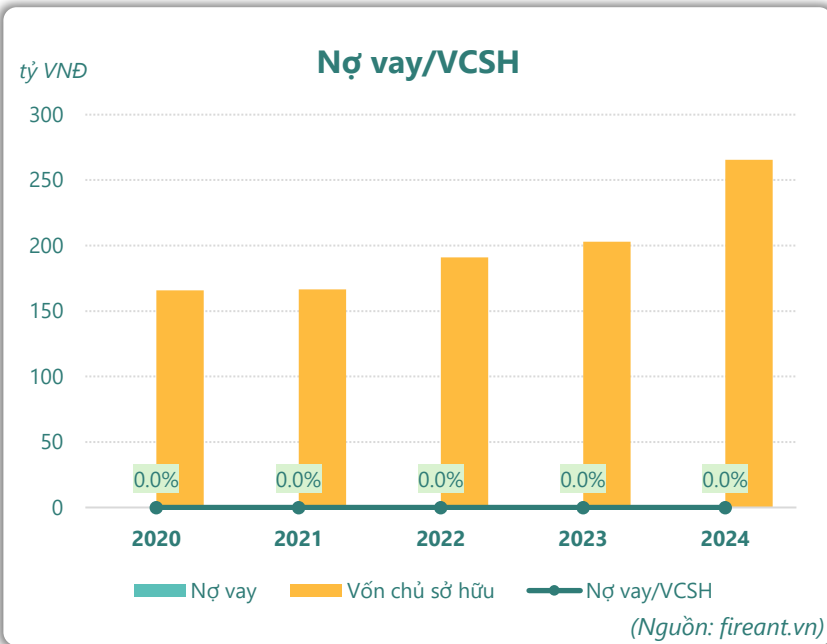
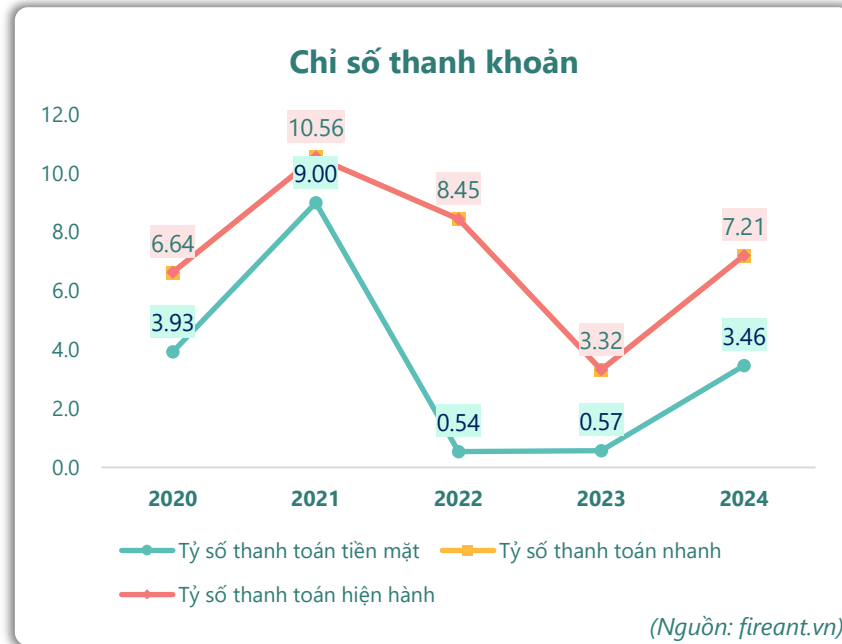
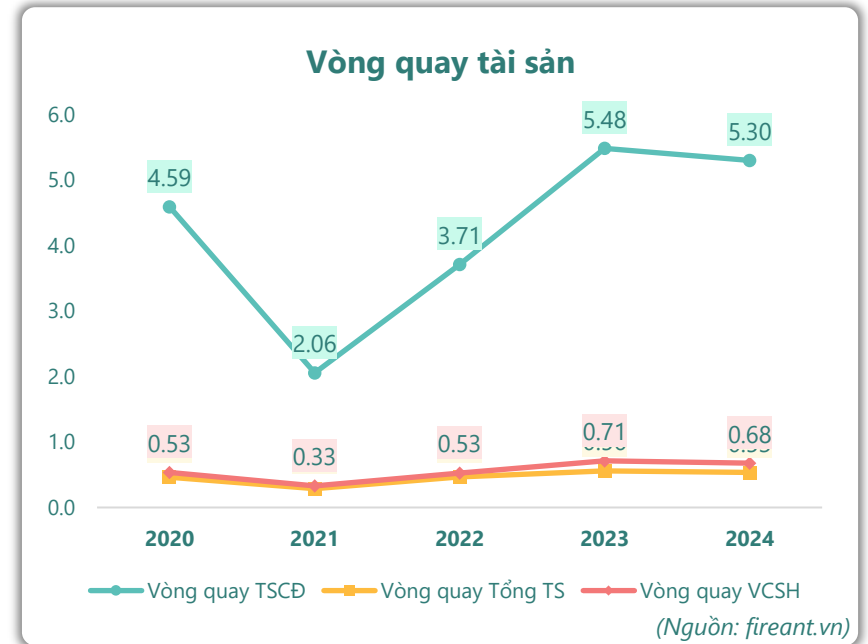
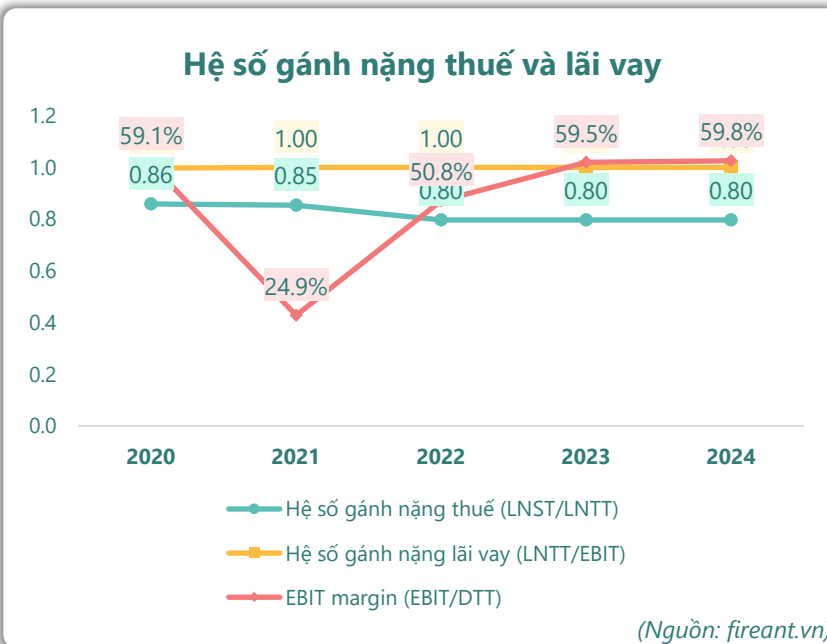
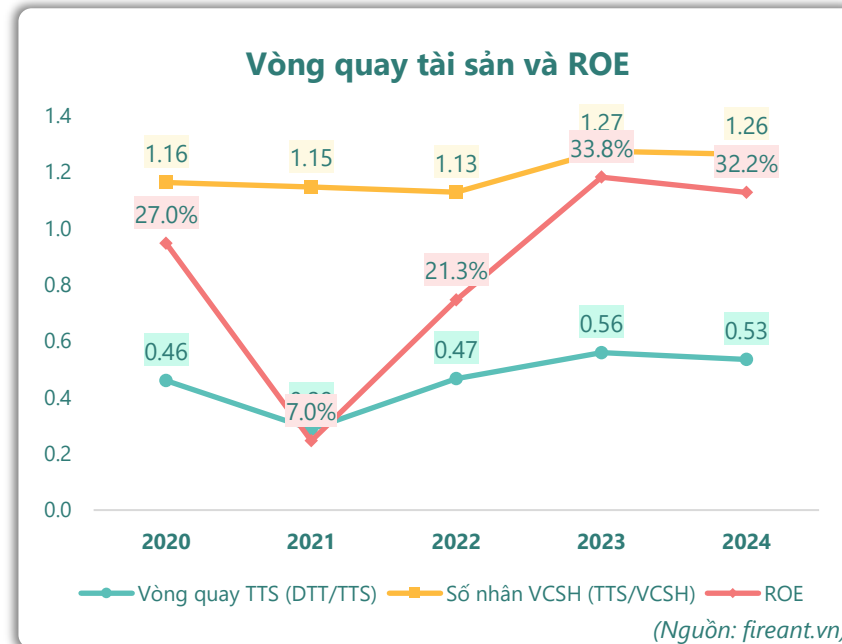
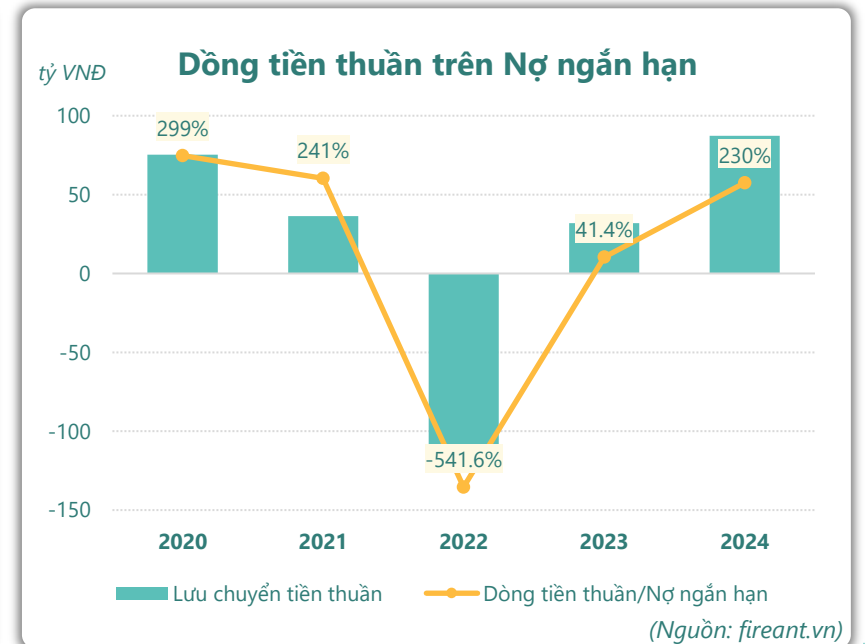
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	39.0	34.9	11.6%	158	140	12.9%
Giá vốn hàng bán	18.0	13.2	36.7%	62.9	55.1	14.1%
Lợi nhuận gộp	20.9	21.7	-3.6%	95.4	85.2	12.0%
Doanh thu HĐTC	2.61	3.33	-21.6%	10.6	12.3	-13.7%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	4.99	7.05	-29.2%	17.1	18.7	-8.7%
LN thuần từ HĐKD	18.5	17.9	3.6%	89.0	78.8	12.9%
Lợi nhuận khác	1.43	1.39	2.7%	5.73	4.65	23.3%
LN trước thuế	20.0	19.3	3.4%	94.7	83.4	13.5%
Lợi nhuận sau thuế	15.8	15.3	3.5%	75.5	66.5	13.5%
LNST của CĐ cty mẹ	15.8	15.3	3.5%	75.5	66.5	13.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	23.1	6.10	5.52	20.1	27.9	8.01
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.87	16.3	-8.02	19.4	54.7	-0.26
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-36.0	-4.00	0	0
Tiền đầu kỳ	5.53	21.7	44.1	5.64	41.1	124
Lưu chuyển tiền thuần	16.2	22.4	-38.5	35.5	82.6	7.75
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	21.7	44.1	5.64	41.1	124	131

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	308	284	8.2%
Tài sản ngắn hạn	274	256	7.0%
Tiền và tương đương tiền	131	44.1	198%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	131	200	-34.8%
Phải thu ngắn hạn	8.84	8.44	4.8%
Hàng tồn kho	0.10	0.10	-2.0%
Tài sản ngắn hạn khác	2.57	2.72	-5.3%
Tài sản dài hạn	34.1	28.5	19.4%
Phải thu dài hạn	0.01	0	
Tài sản cố định	33.1	26.6	24.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.59	1.11	-47.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.41	0.79	-47.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	42.0	81.3	-48.3%
Nợ ngắn hạn	38.0	77.1	-50.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.19	0.32	-40.5%
Nợ dài hạn	4.07	4.24	-4.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	266	203	30.9%
Vốn chủ sở hữu	266	203	30.9%
Vốn điều lệ	25.0	25.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

